

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 355 /2018/DS-PT
Ngày: 05 - 11 - 2018
V/v tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương.
Bà Trần Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 10 và 05 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2018/TLPT-DS ngày 13/9/2018 về tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 273/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn N, sinh năm 1981 (có mặt) (đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 30/3/2018).

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã M, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm, anh Nguyễn N - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Quang T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T1 có đất canh tác trồng lúa tại Đ, xã A, huyện H, tỉnh Long An. Vào ngày 16/12/2017 nhằm ngày 29/10/2017 âm lịch, anh T và ông

T1 có làm Tờ thỏa thuận hợp đồng về việc bao tiêu lúa nếp đồng thời đặt cọc số tiền 35.000.000 đồng cho ông T1. Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tại khoản 8: “Nếu đến ngày cân mà bên bán sai hợp đồng thì bên bán sẽ đền bồi của một đền 3 cho bên mua so với số tiền mà bên mua đặt cọc buổi ban đầu và bên mua không đến cân thì mất cọc”, việc thỏa thuận hợp đồng bao tiêu này có chứng kiến của ông Nguyễn Ngọc P ngụ địa chỉ: ấp , xã L, huyện M, tỉnh Long An. Tuy nhiên đến thời điểm thu hoạch anh T đến mua thì ông T1 không thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng mà 2 bên đã cam kết mà đem cân bán lúa cho người khác. Việc ông T1 tự ý đem bán lúa cho người khác mà không được sự đồng ý của anh T là vi phạm cam kết thỏa thuận giữa hai bên, xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của anh T nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T1 trả lại số tiền đặt cọc là 35.000.000 đồng và bồi thường 70.000.000 đồng theo nội dung hợp đồng ngày 16/12/2017 hai bên đã thỏa thuận, tổng cộng là 105.000.000 đồng.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Ông có làm đất tại Đ, có hợp đồng bán nếp cho anh T với mức giá 5.200 đồng/kg, có nhận tiền cọc là 25.000.000 đồng, cộng thêm tiền lúa giống là 10.000.000 đồng, ngày nhận là 16/12/2017 đến ngày 25 tháng giêng âm lịch. Anh T đến gặp để cho ngày cắt lúa, vợ chồng anh T có cho thêm 300 đồng/kg, cộng lại là 5.500 đồng/kg. Cho đến ngày 04/02/2018 âm lịch cắt lúa. Sáng ngày mùng 5 tháng 2 năm 2018 âm lịch là ngày cân lúa, chúng tôi đã cắt lúa đem lên bờ đúng theo quy định chờ anh T đến cân. Đến sáng ngày mùng 5 vợ chồng anh T không có mặt, chỉ cho cò là ông P tới cân lúa thay anh T, ông đã cân đổ xuống xuống 04 bao lúa thì vợ chồng anh T điện thoại ra bảo cân với giá 5.200 đồng/kg mới cân chứ không chịu cân với lời đã hứa là 5.500 đồng/kg. Ông có gọi điện thoại hỏi thì anh T nói do nếp tụt giá, ông có kêu anh T ra gặp mặt để thỏa thuận lại giá thì anh T không ra mà có cho 03 tên giang hồ ra đe dọa không cho ông cân lúa nếp cho người khác, nên ông phải dời lại 01 đêm qua sáng ngày mùng 6 mới cân được. Vì anh T có thái độ thuê giang hồ đe dọa nên ông phải bán nếp cho người khác, như vậy ông không có bẻ hợp đồng nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh T, không đồng ý trả số tiền 105.000.000 đồng, mà chỉ đồng ý trả lại tiền cọc là 35.000.000 đồng.

* Người làm chứng ông Nguyễn Ngọc P trình bày: Vào ngày 23/10/2017 ông có dẫn anh T đến hợp đồng bao nếp (bốn sáu chín) Long An còn gọi là VEG 4625 của 6 hộ dân ở Đ. Hợp đồng giá bao tiêu là 5.200 đồng/kg, đến ngày 25/01/2018 vợ chồng anh T có đến cho giá thêm 300 đồng/kg là 5.500 đồng/kg và hẹn ngày cắt là 04/02/2018 là cắt, ngày 05/02/2018 là cân, nhưng đến sáng ngày mùng 5 bà con đem lúa lên bờ đầy đủ, ghe xuống cân đổ xuống 4 bao nếp nhưng giá đã giảm (anh T hứa giá 5.500 đồng/kg thì giá thị trường lúc đó là 6.200 đồng – 6.300 đồng/kg) nhưng đến ngày cắt giá giảm còn 5.600 đồng - 5.700 đồng/kg nên vợ chồng anh T không còn cho giá 5.500 đồng/kg, mà chỉ cho giá 5.300 đồng/kg, tức chỉ thêm 100 đồng/kg so với lúc ký hợp đồng thỏa thuận.

* Bản án sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng vào Điều 328, 357, 430, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quang T.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 trả cho anh Nguyễn Quang T số tiền 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Quang T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn T1 chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T1 phải nộp 5.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại anh Nguyễn Quang T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.625.000đ, theo biên lai thu số 0001508 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 30/7/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện trả lại lãi và cọc.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chỉ đồng ý trả lại tiền đặt cọc cho anh T số tiền 20.400.000 đồng và đồng ý bồi thường 10.000.000 đồng, tổng cộng 30.400.000 đồng.

Anh Nguyễn N - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Quang T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ, cho rằng không có việc anh T thỏa thuận tăng giá lúa là không có căn cứ. Người làm chứng ông Nguyễn Ngọc P thừa nhận: Vợ chồng anh T có thỏa thuận cho tăng giá lên 5.500 đồng/kg vào ngày 25/01/2018; tuy nhiên vào ngày cân lúa ngày 05/02/2018 anh T chỉ cho tăng giá lên 5.300 đồng/kg. Ông T1 yêu cầu có mặt anh T để thỏa thuận giá lại, nhưng anh T không có mặt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lỗi có phần của nguyên đơn. Yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T1 là có cơ sở, đề nghị chấp nhận, sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng mua bán” là chưa phù hợp với nội dung sự việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh T khởi kiện cho rằng phía ông T1 đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng ngày 16/12/2017, yêu cầu phía ông T1 đền bồi số tiền đặt cọc 35.000.000 đồng, đền bồi của một đền 3 với số tiền 105.000.000 đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 328 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng đặc cọc”.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù tại Điều 8 của Tờ thỏa thuận hợp đồng về việc bao tiêu lúa nếp ngày 16/12/2017 (nhằm ngày 29/10/2017 AL) có nội dung : *“Nếu đến ngày cân mà bên bán sai hợp đồng thì bên bán sẽ đền bồi của một đền 3 cho bên mua so với số tiền mà bên mua đặt cọc buổi ban đầu và bên mua không đến cân thì mất cọc”*. Tuy nhiên, ở phần Lưu ý của Tờ thỏa thuận hợp đồng cũng có thể hiện: *“Thị trường lên hoặc sụt giá quá mức quy định so với tiền đặt cọc ban đầu thì ngày cân thương lượng lại giá...”*. Ông T1 trình bày: vào ngày 25/01/2018 vợ chồng anh T có đến thương lượng lại giá cho thêm 300 đồng/kg, cộng lại là 5.500 đồng/kg; tuy nhiên đến ngày cân lúa ngày 05/02/2018 anh T gọi điện thoại chỉ cho thêm 100 đồng, cộng lại là 5.300 đồng/kg, ông T1 không đồng ý và anh T cũng không có mặt tại ngày cân lúa, không thương lượng lại giá, chỉ có mặt ông Nguyễn Ngọc P đến cân lúa nếp. Mặc dù, ông T1 đã gọi điện thoại cho anh T, nên ông T1 không đồng ý giao lúa nếp cho ông P nhận. Lời trình bày này của ông T1 phù hợp với lời trình bày của người làm chứng ông Nguyễn Ngọc P, các hộ có thỏa thuận đặt cọc bán nếp cho anh T và phù hợp với phần Lưu ý của Tờ thỏa thuận hợp đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn N - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp Bản tự khai ngày 30/10/2018 của ông Nguyễn Ngọc P, Biên bản đối chất ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện L giữa Nguyễn Quang T với Trần Văn Th, Nguyễn Ngọc P để chứng minh anh Trung không có thỏa thuận giá 5.500 đồng/kg như bị đơn trình bày. Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 07/4/2018 và Bản tự khai ngày 08/6/2018 (Bút lục 22, 23), ông P khai là anh T có thỏa thuận giá 5.500 đồng/kg, nên lời khai của ông P trước sau không thống nhất. Nhưng có cơ sở xác định anh T có thay đổi về giá mà anh T không đến thương lượng lại giá nên cũng có lỗi vi phạm hợp đồng đã thỏa thuận. Ông T1 thừa nhận do anh T không đến nên không có giao lúa nếp cho anh T, mà bán cho người khác với giá 5.700 đồng/kg, nên ông T1 cũng có lỗi vi phạm thỏa thuận của hợp đồng.

[3] Ông T1 thừa nhận có ký tên vào Tờ thỏa thuận hợp đồng về việc bao tiêu lúa nếp ngày 16/12/2017 (nhằm ngày 29/10/2017 AL); nhưng cho rằng chỉ có nhận tiền đặt cọc của anh T số tiền 20.400.000 đồng, không có nhận tiền lúa giống 10.000.000 đồng, được thể hiện ở mặt sau của Tờ thỏa thuận hợp đồng về việc bao tiêu lúa nếp ngày 16/12/2017 (nhằm ngày 29/10/2017 AL) do ông T1 cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, ở mặt sau Tờ thỏa thuận hợp đồng về việc bao tiêu lúa nếp ngày 16/12/2017 (nhằm ngày 29/10/2017 AL) do ông T1 cung cấp thể hiện nội dung: *“Biên nhận ngày 25.1.2018 tôi có nhận của anh Nguyễn Quang T số tiền 20.400.000 đồng....người nhận ký tên Nguyễn Văn T1”*,

không có chữ ký của người giao tiền – anh Nguyễn Quang T. Anh Nguyễn N – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Quang T không thừa nhận nội dung đó mà cho rằng ông T1 nhận tiền đặt cọc của anh T số tiền 35.000.000 đồng. Ông T1 không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh anh T chỉ giao cho ông T1 số tiền đặt cọc 20.400.000 đồng. Do đó, không có cơ sở chấp nhận việc ông T1 cho rằng anh T chỉ giao cho ông T1 số tiền đặt cọc 20.400.000 đồng, mà có cơ sở xác định ông T1 có nhận của anh T số tiền đặt cọc 35.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T1 đồng ý bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, sửa 01 phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quang T, buộc ông T1 trả lại cho anh T số tiền đặt cọc 35.000.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 bồi thường cho anh T số tiền là 10.000.000 đồng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của ông T1 được chấp nhận 01 phần nên ông T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm như sau:

Ông T1 phải chịu án phí sơ thẩm là : $(35.000.000 \text{ đồng} + 10.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 2.250.000 \text{ đồng}$.

Anh T phải chịu án phí sơ thẩm là: $(105.000.000 \text{ đồng} - 45.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 3.000.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 328, 357, 430, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1.

Sửa 01 phần Bản án sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã L.

- Phần tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quang T.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 trả cho anh Nguyễn Quang T số tiền 35.000.000 đồng.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn T1 bồi thường cho anh Nguyễn Quang T số tiền 10.000.000 đồng.

Tổng cộng ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Quang T1 số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1 chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T1 phải nộp 2.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Quang T phải nộp 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.625.000 đồng theo biên lai thu số 0001508 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã L, tỉnh Tiền Giang, nên anh T còn phải nộp thêm 375.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Ông T1 không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001735 ngày 30/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 20 phút ngày 05/11/2018 có mặt anh N, ông T1, Kiểm sát viên./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND thị xã L;
 - Chi cục THADS thị xã L;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2018-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn